

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Thuế-208337

Ngày Thi : 09/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD106

Nhóm : 03

Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13122167	LÊ THỊ THỦY	DH13QT	Thủy		2,0	1,6	2,6	6,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13363297	LÊ THỊ THU	CD13CA	Thu		2,0	1,6	2,8	6,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12155145	LƯƠNG KIM	DH12KN	Kim		2,0	1,2	3,4	6,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12363127	NGUYỄN THỊ THỦY	CD12CA	Thủy		2,0	1,0	3,6	6,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13155320	NGUYỄN THỊ THỦY	DH13KN	Thủy		2,0	1,0	2,0	5,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13123900	TRẦN THỊ THỦY	DH13KE	Thủy		2,0	0,3	3,8	6,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13123165	HOÀNG	DH13KE	Hoàng		2,0	1,8	2,4	6,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13123162	NGUYỄN THỊ LINH	DH13KE	Linh		2,0	1,8	4,2	8,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12122247	NGUYỄN THỊ THỦY	DH12QT	Thủy		2,0	1,6	2,4	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13122424	PHẠM THỊ NGỌC	DH13TC	Tram		2,0	1,8	5,2	9,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13363335	TRẦN NGỌC BẢO	CD13CA	Bảo		2,0	0,9	2,2	5,1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13123166	LÊ THỊ NGỌC	DH13KE	Ngọc		2,0	1,8	5,6	9,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13363345	VÕ NHƯ	CD13CA	Như		2,0	1,6	3,8	7,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13123902	HUỖNH THỊ KIM	DH13KE	Kim		2,0	1,8	4,6	8,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13122202	LÊ THỊ THANH	DH13QT	Thanh		2,0	1,6	4,4	8,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13123170	TÔ THANH	DH13KE	Thanh		2,0	1,8	2,2	6,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13123171	LÊ THỊ THANH	DH13KE	Thanh		2,0	1,8	4,2	8,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9